

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P3+P8	7:25	11+11+0	0+0+0		6+14+2	0+0+0	
2		P1+BK3+BK5	7:25	18+0+4	0+0+0		14+0+4	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ BK3-BK5
3		P7+GTCL+CTK3	7:25	8+0+14	0+0+0		6+1+14	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ GTCL-CTK3
4		P4+TTC2	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
5		P5+CLIO+VSP02	9:25	16+6+0	0+0+0		15+0+3	0+0+0	
6		RC3+RP1+RP3	9:25	1+8+11	0+0+0		0+5+12	0+0+0	
7		CTK3+P2+P4	9:25	5+14+3	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
8		AMD	9:25	22	0		22	0	
9		P1+CNV+P4	11:25	11+3+7	0+0+0		10+0+12	0+0+0	
10		BK6+BK8+P2	11:25	4+5+13	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
11		HSD+AMD+PPD	11:25	13+6+3	0+0+0		4+2+16	0+0+0	
12		P7	11:25	22	0		21	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2018	TO: PPD - P3 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - Nnam	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TA	PPD	19	1	3		70	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG KHOI	PPD	17	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NGOC QUANG	PPD	20	1	2		65	PSV	Vietnamese
4	VU VAN TIEN	PPD	21	1	4		68	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SA	PPD	13	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC LINH	PPD	16	1	3		60	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NAM	PPD					55	PSV	Vietnamese
8	TRAN MINH THUAN	PPD	15	1	5	20	72	PSV	Vietnamese
9	HOANG VAN DOANH	PPD	23	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	LE TIEN LOI	PPD	18	1	3		72	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN DUC HIEP	PPD	14	1	3		70	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CUU	P3	10	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN DAM	P3	11	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN MINH HOAI	P3	07	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI VAN BA	P3	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SY CONG	P3	08	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUOC BINH	P3	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN THIEN THANH	P3	12	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN LE TUNG	P3	04-05	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG BA VINH	P3	15	1	8	40	60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LUONG	P3	03	1	4		61	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VAN QUOC	P3	02	1	3		50	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

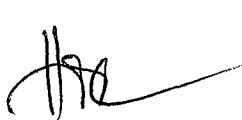
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	10	37	727	20	6		
2	P3	11	12	59	732	40	14		
3	P8	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	22	96	1.459	100	22		
WEIGHT KG				96	1.459	100			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2018	TO: P1 - BK3 - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - Vận - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NINH QUỐC HỘI	P1	90	1	2	40	80	KHAI THAC	Vietnamese
2	PHAN TAT THANG	P1	99	1	5		64	YTE	Vietnamese
3	TRẦN KHANH TOAN	P1	94-95	2	10		52	MOBIFONE	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG HẬU	P1	96-97	2	9		75	MOBIFONE	Vietnamese
5	PHẠM VĂN DƯ	P1	92-93	2	20		72	MOBIFONE	Vietnamese
6	VŨ VĂN MẠNH	P1					81	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN SĨ DƯ	P1					68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	01	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	84	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN THẮNG	P1	85	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG THỌ	P1					85	KH-THAC	Vietnamese
12	VỊ KHÁC THANH	P1	88	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯU VĂN TUẤN	P1	91	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HỮU CHUNG	P1	89	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC BỒN	P1	98	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG TIẾN	P1	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ DUY KHANH	P1	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN TỰ	P1	87	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGỌC AN	BK5	90-91	2	11	40	75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	92	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ NGỌC THẮNG	BK5	89	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	93	1	6		100	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	18	18	105	1.211	40	14		CHUYEN 4 PAX TU BK3 SANG BK5
2	BK3	0	0	0	0	35	0+4		
3	BK5	4	5	27	320	40	4		
TOTAL		22	23	132	1.531	115	18		
WEIGHT KG				132	1.531	115			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2018	TO: P7 - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - Trường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG DIEP PHI	P7					80	KHOAN	Vietnamese
2	TRUONG HUU PHUOC	P7	781	1	10		57	YTE	Vietnamese
3	NHAM DUC QUANG	P7	81	1	11	47	72	KHOAN	Vietnamese
4	THAI VIET DINH	P7	79-80	2	13		66	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG NGOC TUNG	P7	78	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG ANH TUAN	P7	71	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TA VAN VIET	P7	77	1	8	17	72	KH-THAC	Vietnamese
8	NG. HOANG TUNG	CTK3	50-51	2	15		77	KH-THAC	Vietnamese
9	MOHD IRWANIZA B.A BAKAR	CTK3	39-40	2	17		97	KH-THAC	Malaysian
10	LAM TRONG DAI	CTK3	52-53	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
11	HA THAI QUOC	CTK3	49	1	8	25	75	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG TRONG PHUC	CTK3	57	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM NHU SANG	CTK3	48	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
14	TRUONG TAN LOI	CTK3	46-47	2	17		85	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HIEN	CTK3	56	1	12		77	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN MANH HUNG	CTK3	54-55	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM VAN TU	CTK3	43	1	5		59	PSV	Vietnamese
18	LE DAM	CTK3	42	1	3		66	PSV	Vietnamese
19	VU NGOC HUNG	CTK3	41	1	4		60	PSV	Vietnamese
20	HOANG MINH TIEN	CTK3	45	1	6		60	PSV	Vietnamese
21	LE CONG VAN	CTK3	44	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	7	7	54	474	64	6		CHUYEN 01 PAX TU GTC1 SANG CTK3
2	GTC1	0	0	0	0	25	1	1	
3	CTK3	14	19	143	994	25	14		
TOTAL		21	26	197	1.468	114	21		
WEIGHT KG				197	1.468	114			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2018	TO: P4 - TTC2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUANG SON	P4	81	1	5		66	KHAI THAC	Vietnamese
2	VU MANH HA	P4	85	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHONG	P4					77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUY THAI	P4	74	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
5	VU BAO AN	P4	70	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG VINH	P4	69	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG HUU HAU	P4	86	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM THAI SON	P4	72	1	6	72	58	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN HOANG	P4	76	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH TUAN	P4	82	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	VU THANG	P4	87	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG BINH	P4					66	Y TE	Vietnamese
13	NGUYEN NHAN HAI	P4	78	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN KHANH	P4	73	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM KHAC DOAN	P4	80	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VU HONG HA	P4	68	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN KHOAI	P4	75	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SON	P4	84	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LE DUY TRUNG	P4	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	KHUONG VAN THAO	P4	71	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO SY KHOA	P4	79	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
22	HA TAN DUNG	P4	83	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

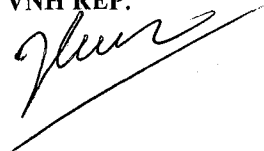
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	20	111	1.565	72	18		
2	TTC2	0	0	0	0	10	4		
TOTAL		22	20	111	1.565	82	22		
WEIGHT KG				111	1.565	82			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2018	TO: P5 - CLO - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hôi - CHIẾN - N.Nam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VƯƠNG VĂN THÔNG	P5	90-92	3	10		60	YTE	Vietnamese
2	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	42,47	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN BẠC	P5					78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUANG PHÚC	P5	99	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TU ANH	P5	93	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỒNG VĂN THỊNH	P5	52	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC THANH	P5	95	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VU QUANG HUNG	P5	94	1	5	40	75	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ ANH QUỐC	P5	96-97	2	8		74	KH-THAC	Vietnamese
13	TU VĂN SƠN	P5	89	1	5		80	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC HOÀ	P5	31	1	5		60	PSV	Vietnamese
15	ĐÀO XUÂN THANH	P5	51	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HỮU HIẾU	P5	41	1	4		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀI NAM	CLO	85-86	2	12		70	NHA THAU	Vietnamese
18	BUI THAI QUI	CLO	81	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ HUYNH TRUNG	CLO	82	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TRUNG	CLO	80	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ XUÂN THỊNH	CLO	83	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN CHÍ CÔNG	CLO	84	1	10		65	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

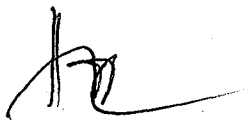
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	16	19	88	1.102	40	15		
2	CLO	6	7	47	439	0	0		
3	VSP02	0	0	0	0	48	3		
TOTAL		22	26	135	1.541	88	18		
WEIGHT KG				135	1.541	88			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

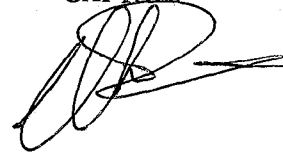
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2018	TO: RC3 - RP1 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VThắng - Vận - PTUẤN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HOÀNG LONG	RC3	29	1	5	69	79	NIPI	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC HOÀN	RP1	99	1	5	30	66	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT DUNG	RP1	97	1	6		79	PSV	Vietnamese
4	LÊ VĂN QUY	RP1	98	1	9		70	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	800	1	4		68	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIỀN	RP1	96	1	4		69	PSV	Vietnamese
7	VŨ ANH ĐỨC	RP1	38	1	5	29	65	DVL	Vietnamese
8	LÊ DUY HUYNH	RP1	61	1	10		68	DVL	Vietnamese
9	THAI ĐOÀN BÌNH	RP1	39	1	5	13	72	NIPI	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	66-67	2	9		84	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	69	1	5		67	PSV	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC GIAO	RP3	63	1	5		50	PSV	Vietnamese
13	PHẠM ĐÌNH ĐẠT	RP3	62	1	3		55	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH SƠN	RP3	61	1	3		60	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HIỆU	RP3	68	1	4		50	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÀ	RP3	65	1	2		65	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT BÌNH	RP3	60	1	4		58	PSV	Vietnamese
18	LÊ THANH HẢI	RP3	64	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC HOANG	RP3	70-71	2	12	20	52	BA SON	Vietnamese
20	KIEU QUỐC VIỆT	RP3	73	1	5		65	BA SON	Vietnamese
21	HOANG NGOC BINH	RP3	72	1	6		74	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	1	1	5	79	69	0		
2	RP1	8	8	48	557	72	5		
3	RP3	12	14	63	740	20	17		
TOTAL		21	23	116	1.376	161	22		
WEIGHT KG				116	1.376	161			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

VSP REP.

VNH REP

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2018	TO: CTK3 - P2 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - Trường	ETA: 11:30
NAU-2			

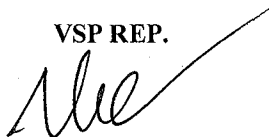
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG HA	CTK3	14	1	7		70	PSV	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	10	1	8	30	58	PSV	Vietnamese
3	PHAM DUC CANH	CTK3					49	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐANG TUNG	CTK3	11	1	7		64	PSV	Vietnamese
5	PHẠM CÔNG ĐIỆN	CTK3	09	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	NG. NAM SINH	P2	10-11	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	KHOKHLOV A	P2	01	1	10		94	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	P2	13-14	2	7		58	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG ĐỨC HIẾU	P2	19	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VIỆT THANH	P2	06-07	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH BÀ ĐỒNG	P2	02-03	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH ĐỨC	P2	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAC ĐỨC HUY	P2	12	1	2	70	70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NGỌC DŨNG	P2	16	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HUNG	P2	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU VĂN TÚ	P2	15	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	09	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ VĂN NAM	P2	18	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ĐỨC LINH	P2	17	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC LAM	P2	05	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO MẠNH DŨNG	P4	01	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ HỒNG TRUNG	P4	02	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	4	27	311	30	0		
2	P2	15	19	97	1.041	70	14		
3	P4	2	2	8	113	0	8		
TOTAL		22	25	132	1.465	100	22		
WEIGHT KG				132	1.465	100			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2018	TO: AMD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	29	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VU THANG	AMD	30	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
3	K LỘC	AMD	21	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THANH	AMD	22	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SANH	AMD	09	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN THE	AMD	19	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO VAN SAU	AMD	28	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	31	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN ĐÔNG	AMD	27	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	15	1	3	122	56	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH NGOAN	AMD	25-26	2	15		88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH DUNG	AMD	10	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI BA HUNG	AMD	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HA	AMD	07	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	23	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	HA VAN THUY	AMD	700	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG THE KHAI	AMD	11	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LE HONG VU	AMD	17	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
19	VU MANH HA	AMD	20	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG LONG	AMD	12-13	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG DINH VINH	AMD	14,16	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	18	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	25	159	1.535	122	22		
TOTAL		22	25	159	1.535	122	22		
WEIGHT KG				159	1.535	122			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2018	TO: P1 - CNV - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hồi - CHIẾN - N.Nam	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN VAN DU	P1	53	1	5	35	70	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO VAN PHONG	P1	47	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI HUY NGHIEP	P1					76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUANG PHUOC	P1	58-59	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
5	DANG DUC TOANH	P1	57	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH HAI	P1	56	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NONG	P1	49	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG YEN	P1	48	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU NGHIA	P1	55	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LE MINH HIEU	P1	46	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG DUY KHUONG	P1	54	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH CONG	CNV	98	1	8	40	71	CDIEN	Vietnamese
13	PHAM NGOC PHUONG	CNV	99	1	9	97	73	CDIEN	Vietnamese
14	LUU VAN DIEP	CNV	600	1	5		65	NIPI	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	95	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN HONG DUONG	P4	96	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN HUYEN	P4	94	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU CONG DINH	P4	91	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
19	LUONG THE HIEN	P4	97-98	2	14		61	NIPI	Vietnamese
20	DOAN VAN AI	P4	92	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	LE DAC NHA	P4	93	1	5		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	11	11	59	777	35	10		
2	CNV	3	3	22	209	137	0		
3	P4	7	8	44	436	0	12		
TOTAL		21	22	125	1.422	172	22		
WEIGHT KG				125	1.422	172			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2018	TO: BK6 - BK8 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Văn - MTHAO - PTUÂN	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO ĐỨC HUNG	BK6					55	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN HIẾU	BK6	03	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH PHÚC AM	BK6	02	1	6	35	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHE	BK6	01	1	6		65	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN TAT HOA	BK8					77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	62	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUỐC TÂN	BK8	63	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG QUANG THƯƠNG	BK8	60	1	12	70	67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÔNG XUÂN CHIẾN	BK8	61	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	PHẠM NGUYEN HOANG PHÚC	P2	29	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN PHU HUU	P2	36	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THỌ DỪNG	P2					56	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	35	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ SINH TÂM	P2	27	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU HA	P2	26	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	24	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	K. LING	P2	28	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN KHÁC CÂN	P2	25	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM SỸ HIỆP	P2	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HỒNG ĐỨC	P2	31	1	4		77	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN BA THUẬN	P2	34	1	15		65	CODIEN	Vietnamese
22	ĐỖ TRƯỞNG DIỄN	P2	32-33	2	10	12	77	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	3	16	247	35	4		
2	BK8	5	4	29	345	70	5		
3	P2	13	13	79	865	12	13		
TOTAL		22	20	124	1.457	117	22		
WEIGHT KG				124	1.457	117			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2018	TO: HSD - AMD - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Phong - <i>Phong</i> Truong	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC THƯ	HSD	40	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG ĐỨC HÙNG	HSD	01	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHÍ CUÔNG	HSD	41-42	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HSD	22	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THE TRUYỀN	HSD	38-39	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH ĐỨC HẠNH	HSD	24-25	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG THO	HSD	37	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN PHƯƠNG	HSD	48-49	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ VĂN BÁC	HSD	23	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRÁI	HSD	44	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN LỢI	HSD	46-47	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
12	HA QUANG TRUNG	HSD	43	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM XUAN KHOA	HSD	45	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN THANH QUANG	AMD	48	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	AMD	47	1	15		68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HOANG	AMD	51-52	2	10	8	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN AN	AMD	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TRĂNG	AMD	50	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HA VĂN TIEN	AMD	49	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG XUÂN ĐÔNG	PPD	24	1	6		60	PSV	Vietnamese
21	PHẠM ĐÌNH CHIẾN	PPD	27	1	5	65	55	PSV	Vietnamese
22	TẠ QUANG PHÚC	PPD	25-26	2	14		103	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

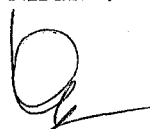
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	13	18	138	849	0	4		
2	AMD	6	7	55	397	8	2		
3	PPD	3	4	25	218	65	16		
TOTAL		22	29	218	1.464	73	22		
WEIGHT KG				218	1.464	73			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

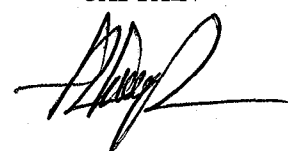
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2018	TO: P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 13:50
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	97	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LỢI	P7	19	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TRỌNG AN	P7	21	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG VĂN QUANG	P7	95	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THIÊN	P7	93	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ QUANG THẮNG	P7	90	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P7	91	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TRUNG KIẾN	P7	22	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ XUÂN LONG	P7	20	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HỒNG HAI	P7	96	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG CÔNG ĐĂNG	P7	23	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SOAI	P7	98	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P7	92	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CHUÔNG	P7	18	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC HÒA	P7	24-25	2	10	100	66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P7					71	PSV	Vietnamese
17	BUI ĐẮC CÀNH	P7	99	1	3		64	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HẠNH	P7	88	1	10		74	PSV	Vietnamese
19	LÊ VIỆT KHANG	P7	87	1	9		67	PSV	Vietnamese
20	HOANG VIỆT HÙNG	P7	900	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	MAI VĂN TOÀN	P7	89	1	12		61	PSV	Vietnamese
22	ĐINH QUANG KHÔI	P7	94	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	22	144	1.496	100	21		
TOTAL		22	22	144	1.496	100	21		
WEIGHT KG				144	1.496	100			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN